

Số: 14/2019/QĐST-HNGĐ

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Hồ Đức Quang

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hải Thuần

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 13/2019/TLST-HNGĐ ngày 26/3/2019 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, Theo Quyết định mở phiên họp số 12/2019/QĐ-TA ngày 03/5/2019 bao gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 02/02/1972; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh

2. Anh Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 08/10/1967; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Vương Quốc Anh.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

- Theo Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và chia tài sản đề ngày 11/3/2019; bản tự khai đề ngày 25/3/2019 của chị Nguyễn Thị T và Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và chia tài sản đề ngày 13/3/2019; bản tự khai đề ngày 13/3/2019 của anh Nguyễn Ngọc S trình bày thống nhất như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc S đăng ký kết hôn ngày 12/6/1989 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị T đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, vợ chồng không có điều kiện, thời gian bên nhau để chăm sóc nhau, những mối quan hệ mới, môi trường sống mới làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, dẫn đến thường xuyên cãi cọ nhau, mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng hơn, vợ chồng đã sống ly thân nhau đã gần 10 năm nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, không

mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng nên chị T và anh S thống nhất thuận tình ly hôn để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới.

Về con chung: Vợ chồng có 06 con chung: Nguyễn Thị Lan H, sinh ngày 18/5/1991; Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 16/6/1993; Nguyễn Thị Hương A, sinh ngày 12/02/1995; Nguyễn Thị Hà P, sinh ngày 18/8/1998; Nguyễn Thị Hằng L, sinh ngày 25/5/2000 và cháu Nguyễn Thị Hoài L, sinh ngày 22/3/2004. Hiện nay các cháu Nguyễn Thị Lan H, Nguyễn Thị Huyền T, Nguyễn Thị Hương A, Nguyễn Thị Hà P, Nguyễn Thị Hằng L đã đến tuổi trưởng thành, việc các cháu ở với ai tùy các cháu quyết định. Còn đối với cháu Nguyễn Thị Hoài L, sinh ngày 22/3/2004 chị T và anh S yêu cầu công nhận sự thỏa thuận giao cháu L cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tuy nhiên hiện tại chị T không thể trực tiếp nuôi con nên thống nhất nhờ con Nguyễn Thị Lan H là chị gái của cháu Nguyễn Thị Hoài L trực tiếp thay chị T chăm sóc cháu L trong thời gian chị T chưa thể trực tiếp nuôi cháu L

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc S có đơn yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và ủy quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ cho chị Nguyễn Thị Lan H (con gái của chị T, anh S), sinh năm 1991; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Liên T, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Anh Nguyễn Thanh S hiện đang lao động tại nước Vương Quốc Anh nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đồng thời chị T và anh S có yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử và ủy quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ cho chị Nguyễn Thị Lan H (con gái của chị T, anh S), sinh năm 1991; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt chị T, anh S theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc S đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn vào ngày 12/6/1989 tại Ủy ban

nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thanh S hạnh phúc được một thời gian đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị T đi xuất khẩu lao động nước ngoài, vợ chồng không có thời gian, điều kiện bên nhau để chăm sóc nhau, những mối quan hệ mới, môi trường sống mới làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, dẫn đến thường xuyên cãi cọ nhau, mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng hơn, không thể hàn gắn, không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc. Nay, các đương sự đều tự nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và không mong muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ này.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...nhưng cuộc hôn nhân của chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thanh S không đạt được mục đích đó.

Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn” (khoản 1 Điều 51); “Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn....”(Điều 55).

Như vậy, chị T và anh S đã tự nguyện thỏa thuận ly hôn. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[2.2] Quan hệ con chung: Vợ chồng có 06 con chung: Nguyễn Thị Lan H, sinh ngày 18/5/1991; Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 16/6/1993; Nguyễn Thị Hường A, sinh ngày 12/02/1995; Nguyễn Thị Hà P, sinh ngày 18/8/1998; Nguyễn Thị Hằng L, sinh ngày 25/5/2000 và cháu Nguyễn Thị Hoài L, sinh ngày 22/3/2004. Hiện nay các cháu Nguyễn Thị Lan H, Nguyễn Thị Huyền T, Nguyễn Thị Hường A, Nguyễn Thị Hà P, Nguyễn Thị Hằng L đã đến tuổi trưởng thành, việc các cháu ở với ai tùy các cháu quyết định.

Đối với cháu Nguyễn Thị Hoài L, sinh ngày 22/3/2004, lâu nay cháu đang ở với chị gái Nguyễn Thị Lan H. Thực tế từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn chị T là người trực tiếp chăm sóc cháu L, sau khi chị T đi làm ăn xa thì chị Nguyễn Thị Lan H là người trực tiếp chăm sóc cháu L, cháu phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, chị Nguyễn Thị Lan H có đơn tình nguyện nuôi em và không yêu cầu cấp dưỡng nên sự thỏa thuận của chị T và anh S về việc giao con chung cho chị T trực tiếp chăm nuôi dưỡng và nhờ chị Nguyễn Thị Lan H thay chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu L trong thời gian chị T chưa thể trực tiếp nuôi dưỡng cháu L là phù hợp, đảm bảo quyền lợi của cháu L, nên cần căn cứ Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn của họ để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 361, 367, 369, 370, 371, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 35, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc S

2. Quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận giao con chung Nguyễn Thị Hoài L, sinh ngày 22/3/2004 cho anh Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Nguyễn Ngọc S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Trong thời gian chị T chưa thể trực tiếp chăm sóc cháu L thì nhờ chị Nguyễn Thị Lan H (chị gái cháu L) trực tiếp chăm sóc cháu L cho đến khi chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Ngọc S có quyền đi lại thăm nom con chung không được ai ngăn cấm

3. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị Nguyễn Thị T (đã nộp 300.000đ tại biên lai số 001286 ngày 26/3/2019 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã T;
- Đương sự ;
- Lưu HS, TDS.

THẨM PHÁN- CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Hồ Đức Quang